

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 19
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 19

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 19 CONSTRUCTION INVESTMENT AND CONSULTANCY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: 19 CONSTRUCTION INVESTMENT AND CONSULTANCY CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109381709

3. Ngày thành lập: 16/10/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 7 Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 Đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982243561

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác gỗ	0220
2.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
3.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
4.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
5.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
6.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
7.	Khai thác và thu gom than non	0520
8.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
9.	Sản xuất chè	1076
10.	Sản xuất cà phê	1077
11.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
12.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
13.	Sản xuất rượu vang	1102
14.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
15.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
16.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
17.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
18.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
19.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
20.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701

21.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
22.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
23.	In ấn	1811
24.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
25.	Sao chép bản ghi các loại	1820
26.	Sản xuất than cốc	1910
27.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
28.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
29.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
30.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
31.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
32.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
33.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
34.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
35.	Đúc sắt, thép	2431
36.	Đúc kim loại màu	2432
37.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
38.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
39.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
40.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
41.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
42.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
43.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
44.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
45.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
46.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
47.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
48.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
49.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
50.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
51.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
52.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
53.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
54.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
55.	Tái chế phế liệu	3830
56.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900

57.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
58.	Xây dựng công trình đường bộ	4212(Chính)
59.	Xây dựng công trình điện	4221
60.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
61.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
62.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
63.	Xây dựng công trình thủy	4291
64.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
65.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
66.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
67.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
68.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4513
69.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
70.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4530
71.	Bán mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4541
72.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
73.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4543
74.	Bán buôn thực phẩm	4632
75.	Bán buôn đồ uống	4633
76.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
77.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
78.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
79.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
80.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
81.	Cho thuê xe có động cơ	7710
82.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
83.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
84.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
85.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
86.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
87.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar)	5630

88.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kiểm toán, chứng khoán, bảo hiểm)	6619
89.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Kiểm định chất lượng công trình xây dựng; - Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; - Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ; - Thiết kế công trình giao thông (cầu, đường bộ);	7110
90.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động môi giới thương mại;	7490
91.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn nhựa đường và các sản phẩm từ nhựa đường.	4669
92.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh. - Dịch vụ nhận ủy thác xuất nhập khẩu;	8299
93.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
94.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
95.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
96.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
97.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
98.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;	4659
99.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
100.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng, quặng uranium và thorium)	4662
101.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến (Trừ loại nhà nước cấm); - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, véc ni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim;	4663

102.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm và hạn chế kinh doanh)	4690
103.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
104.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
105.	Cơ sở lưu trú khác	5590
106.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
107.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất	6820
108.	Xây dựng nhà để ở	4101
109.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
110.	Xây dựng nhà không để ở	4102
111.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
112.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
113.	Phá dỡ	4311
114.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
115.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
116.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
117.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
118.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
119.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
120.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
121.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
122.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
123.	Bốc xếp hàng hóa (Không bao gồm bốc xếp hàng hóa tại cảng hàng không)	5224
124.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
125.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
126.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
127.	Vận tải đường ống	4940
128.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Không bao gồm các hoạt động: dịch vụ bưu chính, dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải hàng không)	5229
129.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
130.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
131.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản)	5210

132.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: - Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường bộ; - Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa; - Hoạt động quản lý, bảo trì cầu, đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy; - Dịch vụ thu phí cầu, đường bộ, bến xe, bãi đỗ xe; - Lai dắt, cứu hộ đường bộ.	5225
------	--	------

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
Sinh ngày: _____ Dân tộc: _____ Quốc tịch: _____
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: _____
Số giấy chứng thực cá nhân: _____
Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: _____
Chỗ ở hiện tại: _____

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐẶNG QUỐC BÌNH Giới tính: *Nam*
Chức danh: *Tổng giám đốc*
Sinh ngày: *30/03/1973* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
Số giấy chứng thực cá nhân: *135702550*
Ngày cấp: *15/02/2011* Nơi cấp: *Công an tỉnh Vĩnh Phúc*
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 542 Khu phố I, Phường Đồng Tâm, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam*
Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 542 Khu phố I, Phường Đồng Tâm, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội